

Bản án số: 180/2020/HS-PT  
Ngày 25-11-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng An Thanh.

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Huy Toàn.

Ông Trương Văn Lộc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 198/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Lạc Hồng L và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương.

***- Các bị cáo bị kháng nghị:***

1. Lạc Hồng L; sinh ngày 21 tháng 02 năm 1995 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: ấp Y, xã A, huyện Z, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lạc Hồng T và bà Đoàn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: ngày 14 tháng 11 năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Bình Dương xử phạt 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (Bản án hình sự sơ thẩm số 238/2019/HS-ST); tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 10 tháng 02 năm 2020 và hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Huỳnh Quốc T1; sinh ngày 24 tháng 6 năm 1994 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: ấp Y, xã A, huyện Z, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Kim L1 và bà Lương Thị T2; có vợ là bà

Nguyễn Thị Mỹ N; có 02 người con (sinh năm 2014 và năm 2015); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 13 tháng 7 năm 2020, bị Công an huyện Z, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (Quyết định số 47/QĐ-VPHC); bị bắt tạm giam từ ngày 10 tháng 02 năm 2020 và hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương (có mặt).

3. Nguyễn Hảo H2; tên gọi khác: C; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1995 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện Z, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3 và bà Lê Thị Thanh T3; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 10 tháng 02 năm 2020 và hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương (có mặt).

4. Nguyễn Xuân L2; sinh ngày 03 tháng 10 năm 1982 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: ấp V, xã A, huyện Z, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L3 và bà Tăng Bửu L4; có vợ là bà Huỳnh Ngọc D2; có 01 người con (sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 10 tháng 02 năm 2020 đến ngày 20 tháng 02 năm 2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Trần Minh N; sinh ngày 20 tháng 3 năm 1980 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp K, xã A, huyện Z, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (tên gọi khác: Trần Văn H4) và bà Phan Thị B1; có vợ là bà Nguyễn Thùy D3; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 10 tháng 02 năm 2020 đến ngày 20 tháng 02 năm 2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Trần Minh Đ; sinh ngày 04 tháng 10 năm 1978 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: ấp Y, xã A, huyện Z, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh C2 và bà Lê Thị P; có vợ là bà Nguyễn Ngọc L5; có 02 người con (sinh năm 2010 và năm 2012); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 20 tháng 11 năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” (Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2015/HS-ST); bị bắt, tạm giữ từ ngày 10 tháng 02 năm 2020 đến ngày 20 tháng 02 năm 2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:* Phạm Văn D; sinh ngày 24 tháng 4 năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số I Ấp G, xã F, huyện J, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: ấp L6, xã R, huyện Z, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn

Đ1 và bà Đặng Thị A1; có vợ là bà Nguyễn Thị Hồng N1; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án: không; tiền sự: ngày 30 tháng 9 năm 2019, bị Công an xã R, huyện Z, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính 2.250.000 đồng về hành vi đánh bạc (Quyết định số 83/QĐ-XPHC); bị bắt, tạm giam từ ngày 10 tháng 02 năm 2020 và hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương (có mặt).

Ngoài ra, có 04 bị cáo, 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo và 02 người làm chứng không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 10 tháng 02 năm 2020, bị cáo Huỳnh Quốc T1 nhắn tin cho bị cáo Lạc Hồng L đề nghị bị cáo L rủ những người đánh bạc đến nhà mẹ của bị cáo L tại ấp Y, xã A, huyện Z, tỉnh Bình Dương để đánh bạc. Bị cáo L rủ các bị cáo Nguyễn Xuân L2, Trần Minh N và Lê Xuân T4 đến đánh bạc, chuẩn bị tám müt xốp phục vụ cho việc đánh bạc và thu tiền xâu. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo T1 gọi điện thoại cho bị cáo Nguyễn Hảo H2 đến nhà bị cáo L cùng làm cái với bị cáo T1. Bị cáo T1 mang theo hột xiu ngẫu, đĩa sành, cùng các bị cáo Phạm Văn D và H2 làm cái, trực tiếp lắc tài xiu. Bị cáo D mang theo bộ lắc tài xiu, cùng các bị cáo T1 và H2 làm cái, trực tiếp lắc tài xiu. Bị cáo Nguyễn Hảo H2 cùng góp tiền với các bị cáo T1 và D làm cái. Các bị cáo Nguyễn Tấn T5, Trần Minh N, Lê Xuân T4, Trần Minh Đ, Đinh Hoài A2, Nguyễn Xuân L2 và Lê Văn S tham gia đánh bạc, thắng thua bằng tiền với hình thức lắc tài xiu. Khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, các bị cáo bị bắt quả tang, bị thu giữ tổng cộng 21.900.000 đồng tại chiếu bạc và 90.916.000 đồng trên người các bị cáo, các dụng cụ phục vụ cho việc đánh bạc và các vật chứng khác.

Quá trình điều tra, xác định bị cáo L thu tiền xâu 1.000.000 đồng và số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc như sau: T1 19.000.000 đồng, D 20.389.000 đồng, H2 13.800.000 đồng, Tấn T5 6.327.000 đồng, N 25.200.000 đồng, Xuân T4 8.800.000 đồng, Đ 650.000 đồng, A2 4.300.000 đồng, L2 13.500.000 đồng và S 5.200.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lạc Hồng L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Phạm Văn D, Nguyễn Hảo H2 (tên gọi khác C), Nguyễn Xuân L2, Trần Minh N, Trần Minh Đ phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

- Căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 322; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1,

khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lạc Hồng L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2020.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2020.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hảo H2 (tên gọi khác C) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2020.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 25/8/2020).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Minh N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 25/8/2020).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 25/8/2020).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử phạt các bị cáo còn lại mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội “Đánh bạc”, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, bị cáo Phạm Văn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá khắt khe.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSDT-HS đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Lạc Hồng L, Huỳnh Quốc T1, Phạm Văn D, Nguyễn Hảo H2, Trần Minh N, Nguyễn Xuân L2 và không cho bị cáo Trần Minh Đ hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo của bị cáo D còn trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo L, T1, D, H2, N, L2 và không cho bị cáo Đ hưởng án treo.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc 112.816.000 đồng là lớn. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo T1 khởi xướng, nói bị cáo L tìm người đánh bạc. Bị cáo L rủ người khác, chuẩn bị chiếu bạc, sắp xếp chỗ để xe cho những người đánh bạc để thu lợi bất chính và bị cáo có tiền án về tội “Đánh bạc”, có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo L là chưa phù hợp. Các bị cáo T1, D, H2 bị xử lý hành chính hoặc đang bị khởi tố về tội “Đánh bạc” nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc, góp tiền làm cái với số tiền lớn và chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo T1, D và H2 mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt) là chưa phù hợp. Bị cáo Đ có nhân thân xấu, từng bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo Đ hưởng án treo là không đảm bảo răn đe, phòng ngừa tội phạm. Bị cáo Đ sử dụng số tiền đánh bạc 650.000 đồng để đánh bạc, ít hơn các bị cáo T1, D và H2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ mức án cao hơn các bị cáo T1, D và H2 là chưa phù hợp. Các bị cáo N, L2 sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo Nguyễn Tấn T5, Lê Xuân T4, A2, S nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tất cả các bị cáo mức án bằng nhau là 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo N và L2.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương, tăng hình phạt tù từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù đối với các bị cáo L, T1, D và H2, tăng hình phạt tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù đối với các bị cáo N, L2 và không áp dụng án treo đối với bị cáo Đ.

Các bị cáo không tự bào chữa. Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo L, T1, H2, N, Đ và L2 mong Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên Bản án sơ thẩm cho các bị cáo. Bị cáo D mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương và kháng cáo của bị cáo D làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại nhà mẹ của bị cáo Lạc Hồng L (thuộc ấp Y, xã A, huyện Z, tỉnh Bình Dương), bị cáo L đã chuẩn bị chiếu bạc, để các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Phạm Văn D, Nguyễn Hảo H2, Nguyễn Tấn T5, Trần Minh N, Lê Xuân T4, Trần Minh Đ, Đinh Hoài A2, Nguyễn Xuân L2 và Lê Văn S đánh bạc trái phép, thắng thua bằng tiền với hình thức lắc tài xỉu. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 112.816.000 đồng. Bị cáo L thu tiền xâu 1.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo L phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại các điểm a, đ khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các bị cáo T1, D, H2, N, L2 và Đ phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Bị cáo L phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo là đúng. Các bị cáo T1, D, H2, N, Đ và L2 không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo là đúng. Bị cáo L2 có cha được tặng thưởng huân, huy chương nên Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hợp lý. Các tình tiết các bị cáo T1, D và N có con nhỏ; bị cáo H2 có mẹ được tặng kỷ niệm chương “Vì sự phát triển của phụ nữ”; bị cáo N chưa có tiền án, tiền sự, có cha ruột làm việc

tại Thông tấn xã Việt Nam; bị cáo Đ sử dụng số tiền đánh bạc không lớn; bị cáo L2 chưa có tiền án, tiền sự, có con nhỏ không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định; Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo là không đúng.

[6] Bị cáo L chỉ hưởng lợi 1.000.000 đồng, có tình tiết tăng nặng là tái phạm, có các tình tiết giảm nhẹ là đã tham gia quân đội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo L 01 năm 06 tháng tù là thỏa đáng, không nhẹ.

[7] Bị cáo T1 bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc vào ngày 13 tháng 7 năm 2020, có vai trò là người làm cái, rủ các bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc, cung cấp dụng cụ phục vụ cho việc đánh bạc, sử dụng số tiền đánh bạc lớn. Bị cáo D cùng làm cái với các bị cáo T1 và H2, cung cấp dụng cụ để đánh bạc, sử dụng số tiền đánh bạc lớn, có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc vào ngày 30 tháng 9 năm 2019. Bị cáo H2 góp tiền với các bị cáo T1 và D làm cái, trả tiền cho người thắng bạc, sử dụng số tiền đánh bạc lớn, ngày 09 tháng 01 năm 2020 bị khởi tố về hành vi đánh bạc nhưng tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc lần này. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo T1, D và H2 mỗi bị cáo 02 năm 06 tháng tù là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, chưa phân hóa vai trò và chưa tương ứng với số tiền của từng bị cáo sử dụng để đánh bạc.

[8] Bị cáo Đ sử dụng số tiền đánh bạc không lớn, năm 2015 bị xử 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” nay lại phạm tội “Đánh bạc”. Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo Đ được hưởng án treo là không nghiêm, chưa đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm “Đánh bạc” đang gia tăng tại địa phương.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo N và L2 mỗi bị cáo mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, chưa phân hóa vai trò của các bị cáo trong vụ án và chưa tương ứng với số tiền của từng bị cáo sử dụng để đánh bạc. Các bị cáo N và L2 đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định trong khi Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo N và L2 không đề nghị thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không tăng hình phạt cao hơn mức có thể cho các bị cáo được hưởng án treo và không thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo N và L2.

[10] Với vai trò, tính chất của hành vi phạm tội cùng nhân thân của các bị cáo như phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương, sửa một phần Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo T1, D, H2, N, L2 và sửa Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Đ.

[11] Bị cáo L được bị cáo T1 đưa tiền xâu 1.000.000 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo L khai khi chạy khỏi hiện trường vụ án đã làm rơi số tiền này. Khoản tiền xâu là tiền bị cáo L thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo L nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là thiếu sót.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm khác với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm không được chấp nhận.

[13] Kháng cáo của bị cáo D không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (sau đây viết là Nghị quyết số 326) và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, các điểm a, b khoản 1 Điều 355 và các điểm a và d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Lạc Hồng L và kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D; chấp nhận phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Phạm Văn D, Nguyễn Hảo H2, Trần Minh N, Nguyễn Xuân L2 và Trần Minh Đ; giữ nguyên phần Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Lạc Hồng L; sửa phần Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Phạm Văn D, Nguyễn Hảo H2, Trần Minh N, Nguyễn Xuân L2 và về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Trần Minh Đ.

Tuyên bố bị cáo Lạc Hồng L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Phạm Văn D, Nguyễn Hảo H2 (tên gọi khác: C), Trần Minh N, Nguyễn Xuân L2 và Trần Minh Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng các điểm a, đ khoản 1 Điều 322; điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lạc Hồng L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 02 năm 2020.



Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc T1 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 02 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 02 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hảo H2 (tên gọi khác: C) 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 02 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10 tháng 02 năm 2020 đến ngày 20 tháng 02 năm 2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Minh N 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25 tháng 8 năm 2020).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L2 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25 tháng 8 năm 2020).

Giao các bị cáo Trần Minh N và Nguyễn Xuân L2 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Z, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích về án treo cho các bị cáo Trần Minh N và Nguyễn Xuân L2 sau khi tuyên án.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc bị cáo Lạc Hồng L nộp 1.000.000 (một triệu) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lạc Hồng L, Huỳnh Quốc T1, Phạm Văn D và Nguyễn Hảo H2 mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày để bảo đảm việc thi hành án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Z, tỉnh Bình Dương (7);
- Những người tham gia tố tụng (7);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo) (7);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, NTN, 33.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đặng An Thanh**